

Số: /TB-UBND

Lam Sơn, ngày tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai kết quả xét duyệt nguồn gốc đất sử dụng đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng Dự án xử lý cấp bách chống sạt lở bờ bãi sông Chu, bảo vệ khu dân cư thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

Để đảm bảo thực hiện trình tự, thủ tục, bồi thường, hỗ trợ đúng đối tượng, công khai, minh bạch, đúng quy định trong công tác giải phóng mặt bằng dự án xử lý cấp bách chống sạt lở bờ bãi sông Chu, bảo vệ khu dân cư thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

Ngày 24/01/2026, UBND xã Lam Sơn phối hợp với Ủy ban MTTQ xã, các phòng, ngành, đơn vị có liên quan, Bí thư chi bộ, Thôn Trưởng thôn Giao Xá, các cán bộ, nguyên cán bộ UBND xã Xuân Lam cũ, nguyên Thôn trưởng Thôn Giao Xá cũ (thành phần theo Giấy mời số 12/GM-UBND ngày 23/01/2026 của UBND xã Lam Sơn) tổ chức họp, xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất của các hộ thuộc phạm vi ảnh hưởng của dự án xử lý cấp bách chống sạt lở bờ bãi sông Chu, bảo vệ khu dân cư thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân.

I. Kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số hộ đưa ra để thực hiện xét nguồn gốc sử dụng đất: 37 hộ.
- Số hộ được các thành phần thống nhất có nguồn gốc là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất 10% của hộ được Nhà nước giao không thu tiền, sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993: 37 hộ.

(Có Danh sách tổng hợp chi tiết kèm theo)

II. Thời gian công khai: Từ ngày 27/01/2026 đến hết ngày 12/02/2026.

III. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế:

- Thực hiện công khai kết quả xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất, tổng hợp ý kiến đóng góp, phản ánh về nguồn gốc sử dụng đất đối với các hộ được công khai để kiểm tra, xác minh, làm rõ (nếu có).

- Thực hiện việc niêm yết Thông báo này tại UBND xã Lam Sơn

2. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã

Thực hiện việc niêm yết, thông tin về kết quả xét nguồn gốc trên hệ thống thông tin xã để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn biết tham gia phản ánh, góp ý kiến.

3. Thôn trưởng Thôn Giao Xá

- Thực hiện việc niêm yết Thông báo này tại Nhà văn hoá thôn
- Tổng hợp ý kiến đóng góp, phản ánh về nguồn gốc sử dụng đất đối với các hộ được công khai báo cáo về UBND xã để kiểm tra, xác minh, làm rõ (nếu có).

UBND xã Lam Sơn thông báo để các phòng, cơ quan, đơn vị, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn xã biết, tham gia đóng góp ý kiến, quá thời hạn công khai nếu không nhận được các ý kiến kiến nghị, phản ánh thì UBND xã Lam Sơn công nhận kết quả xét duyệt nguồn gốc sử dụng đất cho các hộ./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND xã;
- TTCƯDV công xã (niêm yết, thông tin);
- Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn;
- Bí thư Chi bộ, Thôn trưởng các thôn trên địa bàn;
- Các phòng, cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đình Hảo

BẢNG TỔNG HỢP
NGUỒN GỐC ĐẤT CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI DỰ ÁN

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 27/01/2026 của UBND xã Lam Sơn)

STT	Theo hồ sơ địa chính đo vẽ năm 2016 (Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 685/TLBD)					Kết quả đo đạc hiện trạng năm 2025, do Chi nhánh VPĐKĐĐ thực hiện (Phục vụ công tác xét duyệt nguồn gốc đất)					Hộ tự kê khai		Kết quả xét duyệt		Ghi chú
	Số thửa	Tờ bản đồ số	Diện tích nguyên thửa	Loại đất	Tên người SD, quản lý đất	Thửa số	Diện tích	Loại đất	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	
1	736	24	192.4	BHK	Đỗ Anh Minh	781	145.1	HNK	Ngô Thị Khuyên	46.7	Đất 10%	1989	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
2	735	24	486.4	BHK	Hồ Sỹ Tuyên	782	210.6	HNK	Lê Văn Phúc (Lê Thị Soạn)	55.1	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
3						783	275.4	HNK	Phạm Lưu Đãi	69.5		1990	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
4	730	24	259.1	BHK	Phạm Đình Đê	784	233.3	HNK	Đỗ Quốc Phòng	73.6		1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
5	731	24	173.5	BHK	Lê Thị Lạng	785	151.2	HNK	Vũ Đình Thông	48.1	NNGĐ không thu tiền	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
6	732	24	159.3	BHK	Lê Minh Tròn	786	193.1	HNK	Lê Thị Thiệp	63.1	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
7	733	24	416.6	BHK	Trần Ngọc Đạt	787	53.1	HNK	Trần Thị Nguyên	15.6	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	

STT	Theo hồ sơ địa chính đo vẽ năm 2016 (Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 685/TLBĐ)					Kết quả đo đạc hiện trạng năm 2025, do Chi nhánh VPĐKĐĐ thực hiện (Phục vụ công tác xét duyệt nguồn gốc đất)					Hộ tự kê khai		Kết quả xét duyệt		Ghi chú
	Số thửa	Tờ bản đồ số	Diện tích nguyên thửa	Loại đất	Tên người SD, quản lý đất	Thửa số	Diện tích	Loại đất	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	
8						825	53.0	HNK	Lê Thị Sáng	15.0	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
9						788	306.7	HNK	Phạm Đình Việt	80.2	Đất 10%	1989	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
10						789	67.1	HNK	Phạm Công Đước	15.6	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
11	729	24	294.1	BHK	Nguyễn Đăng Chiêm	790	58.7	HNK	Bùi Hữu Phước	14.5	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
12						791	173.9	HNK	Tạ Quốc Tám	42.4	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	Thêm một phần thửa 728
13	728	24	310.5	BHK	Phạm Lưu Kiệm	792	170.3	HNK	Phạm Thị Khuyên	35.5	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
14	727	24	176.3	BHK	Phạm Thị Ích	793	190.0	HNK	Phạm Đình Thuận	19.5	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	Thêm một phần thửa 728
15	726	24	451.7	BHK	Nguyễn Văn Thúc	794	210.2	HNK	Hoàng Anh Mao	20.5	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	

STT	Theo hồ sơ địa chính đo vẽ năm 2016 (Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 685/TLBD)					Kết quả đo đạc hiện trạng năm 2025, do Chi nhánh VPĐKKĐ thực hiện (Phục vụ công tác xét duyệt nguồn gốc đất)					Hộ tự kê khai		Kết quả xét duyệt		Ghi chú
	Số thửa	Tờ bản đồ số	Diện tích nguyên thửa	Loại đất	Tên người SD, quản lý đất	Thửa số	Diện tích	Loại đất	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	
16						795	169.0	HNK	Phạm Xuân Hùng	26.2	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
17	720	24	162.7	BHK	Nguyễn Xuân Vinh	796	144.6	HNK	Lê Hồng Soan	21.2		2016	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
18	721	24	541.0	BHK	Cao Như Quyết	797	217.8	HNK	Lê Thị Tuyết	16.9	Đất 10%	1987	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
19						798	265.7	HNK	Đỗ Văn Tám	3.6	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
20	722	24	129.7	BHK	Nguyễn Thị Sáu	799	95.4	HNK	Phạm Lưu Kiệt	0.0	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
21	723	24	328.7	BHK	Lê Thị Chi	800	247.2	HNK	Hoàng Thị Nhuận	0.8	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
22	(723-724)	24		BHK		801	78.3	HNK	Hoàng Trung Lưu	3.1	Đất 10%	1987	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	Một phần thửa 723 và 724
23	724	24	352.4	BHK	Đỗ Hải Quỳnh	802	242.2	HNK	Nguyễn Văn Lưu	33.3	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
24	725	24	348.7	BHK	Đỗ Văn Tám	803	319.4	HNK	Cao Như Quyết	56.9	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	

STT	Theo hồ sơ địa chính đo vẽ năm 2016 (Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 685/TLBD)					Kết quả đo đạc hiện trạng năm 2025, do Chi nhánh VPĐKKĐ thực hiện (Phục vụ công tác xét duyệt nguồn gốc đất)					Hộ tự kê khai		Kết quả xét duyệt		Ghi chú
	Số thửa	Tờ bản đồ số	Diện tích nguyên thửa	Loại đất	Tên người SD, quản lý đất	Thửa số	Diện tích	Loại đất	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	
25	711	24	213.6	BHK	Lê Hồng Soan	804	211.1	HNK	Nguyễn Xuân Vinh	41.8	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
26	710	24	159.3	BHK	Phạm Xuân Hùng	805	334.3	HNK	Nguyễn Văn Thúc	88.9		1990	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
	709	24	308.6	BHK	Hoàng Anh Mạo								Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
27	708	24	217.0	BHK	Phạm Đình Thuần	806	84.5	HNK	Phạm Thị Ích	29.8	Đất 10%	1987	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	Một phần thửa 708
28	708	24	217.0	BHK	Phạm Đình Thuần	807	207.7	HNK	Đỗ Thị Đước	74.6	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	Một phần thửa 708
	707	24	220.2	BHK	Tạ Quốc Tám								Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
	706	24	72.7	BHK	Phạm Công Đức								Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
29	705	24	215.9	BHK	Phạm Đình Việt	808	162.7	HNK	Nguyễn Đăng Chiêm	87.7	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
30	704	24	65.1	BHK	Lê Thị Sáng	809	222.1	HNK	Trần Ngọc Đạt	140.3	Đất 10%	1989	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	

STT	Theo hồ sơ địa chính đo vẽ năm 2016 (Mảnh trích lục bản đồ địa chính khu đất số 685/TLBD)					Kết quả đo đạc hiện trạng năm 2025, do Chi nhánh VPĐKĐĐ thực hiện (Phục vụ công tác xét duyệt nguồn gốc đất)					Hộ tự kê khai		Kết quả xét duyệt		Ghi chú
	Số thửa	Tờ bản đồ số	Diện tích nguyên thửa	Loại đất	Tên người SD, quản lý đất	Thửa số	Diện tích	Loại đất	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	Nguồn gốc	Thời điểm sử dụng	
	703	24	62.9	BHK	Nguyễn Văn Hạnh								Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
	702	24	157.7	BHK	Lê Thị Thiệp								Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
31	701	24	177.7	BHK	Vũ Đình Thông	810	161.2	HNK	Lê Minh Tròn	111.4	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
32	700	24	235.7	BHK	Đỗ Quốc Phòng	811	183.0	HNK	Lê Thị Lạng	123.0	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
33	699	24	450.5	BHK	Phạm Lưu Đại	812	175.0	HNK	Phạm Đình Thực	116.3	Đất 10%	1987	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
34						813	267.1	HNK	Nguyễn Thị Thoại	182.8		1989	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
35	696	24	415.5	BHK	Lê Văn Phúc	814	312.8	HNK	Lê Thị Chính	222.7	Đất 10%	1988	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
36	697	24	194.7	BHK	Ngô Thị Khuyến	815	57.5	HNK	Nguyễn Thị Bảng (Nguyễn Thị Sáu)	43.0		1987	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	
37						816	56.1	HNK	Đỗ Anh Minh	42.5	Đất 10%	2016	Nhà nước giao không thu tiền	Trước 15/10/1993	